TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN G** **THÀNH PHỐ H**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 176/2019/HS-ST
Ngày 27-11-2019

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN G, THÀNH PHỐ H

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông VDQ
Các Hội thẩm nhân dân: Ông TNH
Ông NTV

- Thư ký phiên toà: Bà TNT - Thẩm tra viên Toà án nhân dân huyện G, thành phố H.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện G, thành phố H tham gia phiên toà: Ông DHT - Kiểm sát viên.

Ngày 27 tháng 11 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện G, thành phố H xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 161/2019/TLST-HS ngày 29 tháng 10 năm 2019 đối với các bị cáo:

1. NDD - sinh năm: 1970; nơi cư trú: Thôn 7, xã X, huyện G, Thành phố H; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; nghề nghiệp: Lao động tự do; văn hóa: 4/12; con ông: NDDu (đã chết) và bà: NVT (đã chết); vợ: NTT, có 02 con: con lớn sinh năm 1996, con nhỏ sinh năm 1997; tiền án - tiền sự: Theo danh chỉ bản số 215 ngày 29-3-2019 do Công an huyện G lập và lý lịch bị can thì bị cáo chưa có tiền án – tiền sự; bị cáo bị bắt quả tang, tạm giữ ngày 17-3-2019, chuyển tạm giam ngày 26-3-2019, thay thế biện pháp tạm giam ngày 14-6-2019, hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt.

2. HTV - sinh năm: 1953; nơi cư trú: Thôn 7, xã X, huyện G, Thành phố H; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; nghề nghiệp: Lao động tự do; văn hóa: 7/12; con ông: HQV (đã chết) và bà: DBT (đã chết); vợ: NYT, có 02 con: Con lớn sinh năm 1985, con nhỏ sinh năm 1992; tiền án - tiền sự: Theo danh chỉ bản số 149 ngày 17-4-2019 do Công an huyện G lập và lý lịch bị can thì bị cáo có 02 tiền án: Bản án số 210 ngày 19/6/1975, Tòa án nhân dân quận Hoàn Kiếm, Thành phố H xử 10 tháng tù về tội: Trộm cắp tài sản (đã được xóa); bản án số 435 ngày 12/10/1987, Tòa án nhân dân thành phố H xử phạt 02 năm tù về tội: Cướp tài sản của công dân nhưng cho hưởng án treo, thời hạn thử thách là 03 năm kể từ ngày

tuyên án (đã được xóa); bị cáo bị bắt quả tang, tạm giữ ngày từ 17-3-2019, hủy bỏ quyết định tạm giữ ngày 26-3-2019; hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt.

3. NHD - sinh năm: 1977; nơi cư trú: Thôn 8, xã X, huyện G, Thành phố H; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; nghề nghiệp: Lao động tự do; văn hóa: 7/12; con ông: NBD (đã chết) và bà: NBT; vợ: NTT, có 02 con: Con lớn sinh năm 1998, con nhỏ sinh năm 2006. tiền án - tiền sự: Theo danh chỉ bản số 243 ngày 25-3-2019 do Công an huyện G lập và lý lịch bị can thì bị cáo chưa có tiền án - tiền sự; bị cáo bị bắt quả tang, tạm giữ ngày 17-3-2019, chuyển tạm giam ngày 26-3-2019, thay thế biện pháp tạm giam ngày 14-6-2019, hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt.

4. NHQ - sinh năm: 1985; nơi cư trú: Thôn 7, xã X, huyện G, Thành phố H; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; nghề nghiệp: Lao động tự do; văn hóa: 6/12; con ông: NTQ và bà: NXT; vợ: NTT, có 01 con: sinh năm 2015; tiền án - tiền sự: Theo danh chỉ bản số 160 ngày 22-4-2019 do Công an huyện G lập và lý lịch bị can thì bị cáo chưa có tiền án – tiền sự; bị cáo bị bắt quả tang, tạm giữ từ ngày 17-3-2019, hủy bỏ quyết định tạm giữ từ ngày 20-3-2019, hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú.

5. DCQ - sinh năm: 1967; nơi cư trú: Thôn 8, xã X, huyện G, Thành phố H; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; nghề nghiệp: Lao động tự do; văn hóa: 7/10; con ông: DCX (đã chết) và bà: NDT; vợ: NHT, có 02 con: sinh năm 2002; tiền án - tiền sự: Theo danh chỉ bản số 152 ngày 19-4-2019 do Công an huyện G lập và lý lịch bị can thì bị cáo có 04 tiền án: Bản án số 188/HSST ngày 15/6/1987 của Tòa án nhân dân thành phố H xử 03 năm tù về tội: Trộm cắp tài sản, thời hạn tù tính từ ngày bị bắt (đã được xóa); bản án số 169/HSST ngày 12+13/4/1993 của Tòa án nhân dân thành phố H xử 04 năm tù về tội: Cướp tài sản của công dân, thời hạn tù tính từ ngày 9/9/1992 (Quyết định tạm đình chỉ số 15/THA ngày 10/6/1994 của Cục thi hành án dân sự thành phố H); bản án số 754/HSST ngày 20/6/1997 của Tòa án nhân dân thành phố H xử 42 tháng tù về tội: Trộm cắp tài sản của công dân, thời hạn tù tính từ ngày 04/3/1997. Phạt quản chế tại nơi cư trú 04 năm sau khi mãn hạn tù; bản án số 384/2010/HSST ngày 16/9/2010 của Tòa án nhân dân quận D, Thành phố H xử phạt 26 tháng tù về tội: Tàng trữ trái phép chất ma túy, thời hạn kể từ ngày 18/5/2010 (đã được xóa); bị cáo bị bắt quả tang, tạm giữ từ ngày 17-3-2019, hủy bỏ quyết định tạm giữ từ ngày 26-3-2019, hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt.

6. NVT - sinh năm: 1972; nơi cư trú: Thôn 7, xã X, huyện G, Thành phố H; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; nghề nghiệp: Lao động tự do; văn hóa: 2/12; con ông: NGT (đã chết) và bà: NHT; tiền án - tiền sự: Theo danh chỉ

bản số 138 ngày 12-4-2019 do Công an huyện G lập và lý lịch bị can thì bị cáo có 01 tiền sự: Năm 2001, Công an huyện G xử phạt vi phạm hành chính về hành vi đánh bạc; bị cáo bị bắt quả tang, tạm giữ từ ngày 17-3-2019, hủy bỏ quyết định tạm giữ ngày 20-3-2019, hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt.

7. NHQ - sinh năm: 1972; nơi cư trú: Thôn 7, xã X, huyện G, Thành phố H; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; nghề nghiệp: Lao động tự do; văn hóa: 7/12; con ông: NBQ (đã chết) và bà: NNT; vợ: NTH, có 02 con: Con lớn sinh năm 1994, con nhỏ sinh năm 2001; tiền án - tiền sự: Theo danh chỉ bản số 132 ngày 12-4-2019 do DCQ an huyện G lập và lý lịch bị can thì bị cáo chưa có tiền án - tiền sự; bị cáo bị bắt quả tang, tạm giữ từ ngày 17-3-2019, hủy bỏ quyết định tạm giữ từ ngày 20-3-2019, hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt.

8. NLV - sinh năm: 1957; nơi cư trú: Thôn 9, xã X, huyện G, Thành phố H; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; nghề nghiệp: Lao động tự do; văn hóa: 7/10; con ông: NVB (đã chết) và bà: NTD (đã chết); vợ: NTL, có 04 con: Con lớn sinh năm 1977, con nhỏ sinh năm 1984; tiền án - tiền sự: Theo danh chỉ bản số 131 ngày 12-4-2019 do Công an huyện G lập và lý lịch bị can thì bị cáo có 02 tiền sự, 01 tiền án: Năm 1978, Công an huyện D, Thành phố H xử phạt vi phạm hành chính về hành vi chứa chấp hoặc tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có; năm 2002, Công an huyện G, Thành phố H xử phạt vi phạm hành chính về hành vi Đánh bạc; bản án số 49/2007/HSST ngày 5,6,7/2/2007 của Tòa án nhân dân thành phố H xử phạt 03 năm tù về tội: Tổ chức đánh bạc, thời hạn tù tính từ ngày 24/5/2006 (đã được xóa); bị cáo bị bắt quả tang ngày 17-3-2019, hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt.

9. TTQ - sinh năm: 1990; nơi cư trú: Thôn T, xã H, huyện G, Thành phố H; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; nghề nghiệp: Lao động tự do; văn hóa: 12/12; con ông: TVT (đã chết) và bà: NTQ; tiền án - tiền sự: Theo danh chỉ bản số 157 ngày 19-02-2019 do Công an huyện G lập và lý lịch bị can thì bị cáo có 01 tiền án: Bản án số 173/2012/HSST ngày 21/9/2012 của Tòa án nhân dân huyện G, Thành phố H xử phạt 30 tháng tù về tội Cố ý gây thương tích, nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 52 tháng 06 ngày kể từ ngày tuyên án (đã được xóa); bị cáo bị bắt quả tang, tạm giữ từ ngày 17-3-2019, hủy bỏ quyết định tạm giữ từ ngày 26-3-2019, hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt.

10. LVT - sinh năm: 1989; nơi cư trú: Thôn 3, xã X, huyện G, Thành phố H; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; nghề nghiệp: Lao động tự do; văn hóa: 8/12; con ông: LVH và bà: NTH; vợ: DTH, có 02 con: Con lớn sinh năm

2011, con nhỏ sinh năm 2016; tiền án - tiền sự: Theo danh chỉ bản số 145 ngày 17-4-2019 do Công an huyện G lập và lý lịch bị can thì bị cáo có 01 tiền án: Bản án số 121/2010/HSST ngày 22, 26 tháng 11 năm 2010, xử phạt 09 tháng tù về tội: Đánh bạc nhưng cho hưởng án treo, thời hạn thử thách là 15 tháng 26 ngày kể từ ngày tuyên án (đã được xóa); bị cáo bị bắt quả tang, tạm giữ từ ngày 17-3-2019, hủy bỏ quyết định tạm giữ ngày 26-3-2019, hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt.

11. NTH - sinh năm: 1966; nơi cư trú: Thôn T, xã D, huyện G, Thành phố H; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; nghề nghiệp: Lao động tự do; văn hóa: 7/12; con ông: NHH (đã chết) và bà: NTN; vợ: NTD, có 01 con sinh năm 2000; tiền án - tiền sự: Theo danh chỉ bản số 147 ngày 17-4-2019 do Công an huyện G lập và lý lịch bị can thì bị cáo có 01 tiền án: Bản án hình sự sơ thẩm thụ lý số 29 ngày 11/3/1985 của Tòa án nhân dân huyện G xử 05 tháng tù giam về tội: Trộm cắp tài sản của công dân; thời hạn tù tính từ ngày bắt giam 24/01/1985 (đã được xóa); bị cáo bị bắt quả tang, tạm giữ từ ngày 17-3-2019, hủy bỏ tạm giữ ngày 20-3-2019, hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt.

12. NHD - sinh năm: 1970; nơi cư trú: Thôn 9, xã X, huyện G, Thành phố H; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; nghề nghiệp: Lao động tự do; văn hóa: 3/10; con ông: NTD (đã chết) và bà: NTP, vợ: PTP, có 05 con: Con lớn sinh năm 1993, con nhỏ sinh năm 2006; tiền án - tiền sự: Theo danh chỉ bản số 133 ngày 12-4-2019 do Công an huyện G lập và lý lịch bị can thì bị cáo có 01 tiền sự: Năm 2001, Công an huyện G, Thành phố H xử phạt vi phạm hành chính về hành vi Đánh bạc; bị cáo bị bắt quả tang ngày 17-3-2019, hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt.

13. HHX- sinh năm: 1957; nơi cư trú: Thôn V, xã P, huyện G, Thành phố H; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; nghề nghiệp: Lao động tự do; văn hóa: 7/10; con ông: HXH (đã chết) và bà: KTL (đã chết); vợ: VTP, có 02 con: Con lớn sinh năm 1981, con nhỏ sinh năm 1984; tiền án - tiền sự: Theo danh chỉ bản số 146 ngày 17-4-2019 do Công an huyện G lập và lý lịch bị can thì bị cáo có 01 tiền sự: Công an huyện G bắt ngày 10/7/1980 về hành vi Chứa chấp hoặc tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có; bị cáo bị bắt quả tang, tạm giữ từ ngày 17-3-2019, hủy bỏ quyết định tạm giữ ngày 26-3-2019, hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt.

14. VTP - sinh năm: 1957; nơi cư trú: Thôn V, xã P, huyện G, Thành phố H; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; nghề nghiệp: Lao động tự do; văn hóa: 7/10; con ông: VVK (đã chết) và bà: NTV (đã chết); chồng: HHX, có 02 con: Con lớn sinh năm 1981, con nhỏ sinh năm 1984; tiền án - tiền sự: Theo danh chỉ bản số 129 ngày 10-4-2019 do Công an huyện G lập và lý lịch bị can thì bị cáo

có 01 tiền sự: Ngày 26/9/1989, Công an huyện G lập danh bản về hành vi chứa chấp hoặc tiêu thụ tài sản do người khác phạm tội mà có; bị cáo bị bắt quả tang ngày 17-3-2019, hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt.

15. PDC - sinh năm: 1985; nơi cư trú: Thôn 8, xã X, huyện G, Thành phố H; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; nghề nghiệp: Lao động tự do; văn hóa: 4/12; con ông: PCM và bà: VTT; vợ: DTL, có 04 con: Con lớn sinh năm 2010, con nhỏ sinh năm 2017; tiền án - tiền sự: Theo danh chỉ bản số 154 ngày 19-4-2019 do Công an huyện G lập và lý lịch bị can thì bị cáo chưa có tiền án - tiền sự; bị cáo bị bắt quả tang, tạm giữ từ ngày 17-3-2019, hủy bỏ tạm giữ ngày 26-3-2019, hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt.

16. NDC - sinh năm: 1977; nơi cư trú: Thôn 9, xã X, huyện G, Thành phố H; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; nghề nghiệp: Lao động tự do; văn hóa: 7/12; con ông: NDV và bà: NTT; vợ: NTM, có 04 con: Con lớn sinh năm 2000, con nhỏ sinh năm 2010; tiền án - tiền sự: Theo danh chỉ bản số 151 ngày 19-4-2019 do Công an huyện G lập và lý lịch bị can thì bị cáo chưa có tiền án - tiền sự; bị cáo bị bắt quả tang, tạm giữ từ ngày 17-3-2019, hủy bỏ quyết định tạm giữ ngày 26-3-2019, hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt.

17. TTT - sinh năm: 1987; nơi cư trú: Thôn 2, xã H, huyện G, Thành phố H; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; nghề nghiệp: Lao động tự do; văn hoá: 9/12; con ông: TVH và bà: NTT; chồng: HMP (đã ly hôn), có 02 con: Con lớn sinh năm 2007, con nhỏ sinh năm 2009; tiền án - tiền sự: Theo danh chỉ bản số 155 ngày 19-4-2019 do Công an huyện G lập và lý lịch bị can thì bị cáo chưa có tiền án – tiền sự; bị cáo bị bắt quả tang ngày 17-3-2019, hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt.

18. PTH - sinh năm: 1972; nơi cư trú: Thôn 7, xã X, huyện G, Thành phố H; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; nghề nghiệp: Lao động tự do; văn hóa: 4/12; con ông: PHT (đã chết) và bà: NTS; vợ: NTSa, có 02 con: Con lớn sinh năm 1994, con nhỏ sinh năm 2002; tiền án - tiền sự: Theo danh chỉ bản số 139 ngày 12-4-2019 do Công an huyện G lập và lý lịch bị can thì bị cáo chưa có tiền án – tiền sự; bị cáo bị bắt quả tang, tạm giữ từ ngày 17-3-2019, hủy bỏ tạm giữ ngày 20-3-2019, hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt.

19. PTC - sinh năm: 1981; nơi cư trú: Thôn 7, xã X, huyện G, Thành phố H; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; nghề nghiệp: Lao động tự do; văn hóa: 12/12; con ông: PCT và bà: NTH; vợ: NHT, có 03 con: Con lớn sinh năm 2005, con nhỏ sinh năm 2012; tiền án - tiền sự: Theo danh chỉ bản số 127 ngày 10-

02-2019 do Công an huyện G lập và lý lịch bị can thì bị cáo chưa có tiền án – tiền sự; bị cáo bị bắt quả tang ngày 17-3-2019, hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt.

20. TTA - sinh năm: 1991; nơi cư trú: Thôn 2, xã H, huyện G, Thành phố H; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; nghề nghiệp: Lao động tự do; văn hóa: 10/12; con ông: TVH và bà: NTT; chồng: NHV, có 02 con: Con lớn sinh năm 2017, con nhỏ sinh năm 2019; tiền án - tiền sự: Theo danh chỉ bản số 156 ngày 19-02-2019 do Công an huyện G lập và lý lịch bị can thì bị cáo chưa có tiền án – tiền sự; bị cáo bị bắt quả tang ngày 17-3-2019, hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt.

21. NHH - sinh năm: 1984; nơi cư trú: Thôn T, xã Y, huyện G, Thành phố H; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; nghề nghiệp: Lao động tự do; văn hóa: 6/12; con ông: NHN và bà: NTHa; vợ: NTH, có 03 con: Con lớn sinh năm 2005, con nhỏ sinh năm 2018; tiền án - tiền sự: Theo danh chỉ bản số 137 ngày 12-4-2019 do Công an huyện G lập và lý lịch bị can thì bị cáo chưa có tiền án - tiền sự; bị cáo bị bắt quả tang, tạm giữ từ ngày 17-3-2019, hủy bỏ tạm giữ ngày 26-3-2019, hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt.

22. HTV - sinh năm: 1992; nơi cư trú: Thôn H, xã Y, huyện G, Thành phố H; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; nghề nghiệp: Lao động tự do; văn hóa: 8/12; con ông: HVT và bà: NTC; vợ: NTB, có 01 con sinh năm 2014; tiền án - tiền sự: Theo danh chỉ bản số 130 ngày 12-4-2019 do Công an huyện G lập và lý lịch bị can thì bị cáo chưa có tiền án - tiền sự; bị cáo bị bắt quả tang ngày 17-3-2019, hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt.

23. NTD - sinh năm: 1984; nơi cư trú: Thôn H, xã Y, huyện G, Thành phố H; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; nghề nghiệp: Lao động tự do; văn hóa: 8/12; con ông: NDM và bà: NTB (đã chết); vợ: HTH, có 02 con: Con lớn sinh năm 2004, con nhỏ sinh năm 2007; tiền án - tiền sự: Theo danh chỉ bản số 128 ngày 10-4-2019 do Công an huyện G lập và lý lịch bị can thì bị cáo chưa có tiền án - tiền sự; bị cáo bị bắt quả tang ngày 17-3-2019, hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt.

24. LTM- sinh năm: 1982; nơi cư trú: Thôn 8, xã X, huyện G, Thành phố H; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; nghề nghiệp: Lao động tự do; văn hóa: 7/12; con ông: LMC (đã chết) và bà: PTM; vợ: PTP, có 02 con: Con lớn sinh năm 2010, con nhỏ sinh năm 2013; tiền án - tiền sự: Theo danh chỉ bản số 153 ngày 19-4-2019 do Công an huyện G lập và lý lịch bị can thì bị cáo chưa có tiền án - tiền sự; bị cáo bị bắt quả tang ngày 17-3-2019, hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt.

25. NQQ - sinh năm: 1966; nơi cư trú: Thôn 8, xã X, huyện G, Thành phố H.; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; nghề nghiệp: Lao động tự do; văn hóa: 7/10; con ông: NQT (đã chết) và bà: NTN; vợ: NTQ, có 02 con: Con lớn sinh năm 1991, con nhỏ sinh năm 1993; tiền án - tiền sự: Theo danh chỉ bản số 148 ngày 17-4-2019 do Công an huyện G lập và lý lịch bị can thì bị cáo có 01 tiền sự: Năm 2001, Công an huyện G xử phạt vi phạm hành chính về hành vi Đánh bạc; bị cáo bị bắt quả tang, tạm giữ từ ngày 17-3-2019, hủy bỏ quyết định tạm giữ ngày 26-3-2019, hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt.

26. PTP - sinh năm: 1992; nơi cư trú: Thôn 8, xã X, huyện G, Thành phố H; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; nghề nghiệp: Lao động tự do; văn hóa: 10/12; con ông: PCT và bà: NTH; chồng: LMT, có 02 con: Con lớn sinh năm 2010, con nhỏ sinh năm 2013; tiền án - tiền sự: Theo danh chỉ bản số 136 ngày 12-4-2019 do Công an huyện G lập và lý lịch bị can thì bị cáo chưa có tiền án - tiền sự; bị cáo bị bắt quả tang ngày 17-3-2019, hiện đang bị áp dụng biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú; có mặt.

** Người có quyền và nghĩa vụ liên quan:*

1. Chị NTL - sinh năm 1990; địa chỉ: Thôn 9, xã X, huyện G, Thành phố H; vắng mặt.

2. Anh NVT - sinh năm 1984; địa chỉ: Thôn 8, xã N, huyện G, Thành phố H; vắng mặt.

3. Anh NDT - sinh năm 1987; địa chỉ: Thôn 8, xã X, huyện G, Thành phố H; vắng mặt.

4. Anh NDC - sinh năm 1990; địa chỉ: Thôn X, xã Y, huyện G, Thành phố H; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Hồi 00 giờ 15 phút ngày 17-3-2019, tại phòng khách tầng 1, nhà riêng của NDD ở thôn 7, xã X, huyện G, Thành phố H, Phòng Cảnh sát hình sự Công an thành phố H bắt quả tang NDD, HTV, NHD, NHQ và DCQ đang tổ chức đánh bạc trái phép dưới hình thức xóc đĩa sát phạt nhau bằng tiền cho các đối tượng gồm: NQQ, LVT, PTH, TTA, NVT, TTQ, NHQ, NDC, LMT, HHX, NHH, NTH, TTT, NLV, NHD, PTP, HTV, VTP, PDC, PTC, NTD. Tổ công tác đã lập biên bản bắt người phạm tội quả tang và đưa về cơ quan Công an để làm rõ.

Vật chứng thu giữ: 01 bát sứ; 01 đĩa sứ; 04 quân vị hình tròn, kích cỡ 01x1,5cm; 01 thảm đỏ, kích cỡ 0,6mx3m; tổng số tiền: 48.600.000 đồng, trong đó:

+ Thu giữ 39.300.000 đồng tại chiếu bạc;

+ Thu giữ 8.300.000 đồng ở người của các đối tượng tổ chức đánh bạc và đánh bạc gồm của NHD: 100.000 đồng, DCQ: 200.000 đồng, NQQ: 100.000 đồng, NTD: 500.000 đồng, PTH: 1.000.000 đồng, V: 300.000 đồng, TTQ: 500.000 đồng, Hải: 200.000 đồng, NDC: 500.000 đồng, T: 500.000 đồng, HHX: 1.000.000 đồng, NHH: 500.000 đồng, NTH: 100.000 đồng, La: 1.000.000 đồng, HTV: 1.000.000 đồng, PDC: 200.000 đồng, PTC: 500.000 đồng, LVT: 100.000 đồng;

+ Thu trên người các đối tượng liên quan 1.000.000 đồng gồm: NVT: 200.000 đồng, NDT: 500.000 đồng, NTL: 200.000 đồng, NDC: 100.000 đồng.

Tại cơ quan cảnh sát điều tra, các bị cáo khai nhận: Ngày 15-3-2019, NDD rủ HTV và NHD tổ chức sới bạc dưới hình thức đánh xóc đĩa được thua bằng tiền tại nhà riêng của NDD, mỗi ngày tổ chức 02 ca: ca 1 từ 15 giờ 30 phút giờ đến 17 giờ 30 phút và ca 2 từ 22 giờ đến 01 giờ sáng ngày hôm sau. HTV và NHD đồng ý. NDD, NHD, HTV thống nhất: NDD có nhiệm vụ mời gọi các con bạc đến đánh bạc, chuẩn bị bát đĩa, quân vị, thảm và thu phế; HTV có nhiệm vụ xóc cái cho các con bạc; NHD có nhiệm vụ làm hồ lỳ giam tiền (thu tiền của các con bạc bị thua, trả tiền cho các con bạc đánh thắng) và thu phế cho NDD. NDD và NHD thống nhất thu phế từ 100.000 đồng đến 200.000 đồng/1 người/1ca. NDD được hưởng toàn bộ tiền phế, HTV và NHD chia nhau hưởng số tiền do các con bạc đánh thắng nhiều cắt lại sau mỗi ván bạc. Ngoài ra, NDD còn thuê NHQ làm nhiệm vụ canh gác, bảo vệ sới bạc và trả công 200.000 đồng/ca; thuê DCQ làm nhiệm vụ dọn dẹp, phục vụ tại sới bạc và trả công 200.000 đồng/ca. NHH và DCQ đồng ý. Cách thức chơi xóc đĩa được quy ước như sau: Bên tay phải của HTV là cửa chẵn, bên tay trái HTV là cửa lẻ, mỗi ván chơi HTV sẽ cho vào đĩa sứ 04 quân vị hình tròn, mỗi quân vị có 02 mặt: 01 mặt màu vàng, 01 mặt màu trắng được cắt từ vỏ bao thuốc lá Vinataba và úp bát sứ lên xóc đều và đặt xuống chiếu, các đối tượng đánh bạc sẽ đặt tiền vào cửa chẵn hoặc lẻ tùy ý. Xong HTV mở bát ra, nếu trong đĩa có hai quân vị màu vàng, hai quân vị màu trắng hoặc bốn quân vị đều màu vàng hoặc bốn quân vị đều là màu trắng thì là chẵn, những người đặt cửa chẵn sẽ thắng, cửa lẻ thua. Nếu trong đĩa có ba quân vị màu vàng, một quân vị màu trắng hoặc ba quân vị màu trắng, một quân vị màu vàng thì là lẻ và ai đặt tiền ở cửa lẻ sẽ thắng, cửa chẵn thua. Người làm hồ lỳ sẽ thu tiền của những người thua và trả tiền thắng cược cho những người thắng.

Khoảng 22h ngày 16-3-2019, NQQ, LVT, PTH, TTA, TTQ, NDC, LMT, HHX, NHH, NTH, TTT, NLV, NHD, PTP, HTV, VTP, PDC, PTC, NTD, NVT và NHQ đến nhà NDD để tham gia đánh xóc đĩa sát phạt nhau bằng tiền. NDD và NHD thu phế của các con bạc. DCQ được NDD phân công làm nhiệm vụ trải thảm, chuẩn bị bát đĩa, dọn dẹp, phục vụ người chơi bạc; HTV là người xóc cái cho các con bạc; NHQ có nhiệm vụ canh gác, bảo vệ xới bạc. Quá trình chơi xóc đĩa sát phạt nhau bằng tiền, **NQQ** sử dụng 400.000 đồng để đánh bạc, là người giam tiền

cho các con bạc mà không có sự thỏa thuận với NDD, NHD và HTV; chưa nộp phế, chơi thua 300.000 đồng, khi bị bắt giữ còn 100.000 đồng. **LVT** sử dụng 1.100.000 đồng để đánh bạc, nộp phế cho NDD 100.000 đồng, chơi thua 500.000 đồng, khi bị bắt giữ còn 500.000 đồng. **PTC** sử dụng 1.000.000 đồng để đánh bạc, chưa nộp phế, chơi thua 500.000 đồng, khi bị bắt giữ còn 500.000 đồng. **NTD** sử dụng 700.000 đồng để đánh bạc, nộp phế 100.000 đồng cho NHD, khi bị bắt giữ còn 100.000 đồng. **VTP** sử dụng 500.000 đồng để tham gia đánh bạc, chưa nộp phế, chơi thua hết 500.000 đồng. **TTT** sử dụng 1.500.000 đồng để tham gia đánh bạc, chưa nộp phế, chơi bị thua hết tiền. **PTH** sử dụng 1.200.000 đồng để tham gia đánh bạc, nộp phế 200.000 đồng cho NDD, chơi không thắng không thua, khi bị bắt thu giữ 1.000.000 đồng. **TTA** sử dụng 1.000.000 đồng để đánh bạc, chưa nộp phế, bị thua hết tiền. **TTQ** sử dụng 4.000.000 đồng để đánh bạc, nộp phế 200.000 đồng cho NHD, chơi thua 3.300.000 đồng, còn 500.000 đồng bị thu giữ. **NDC** sử dụng 2.000.000 đồng để đánh bạc, chưa nộp phế, chơi thua 1.500.000 đồng, còn 500.000 đồng bị thu giữ. **NLV** sử dụng 1.500.000 đồng để đánh bạc, nộp phế 200.000 đồng cho NHD, chơi thua 300.000 đồng, khi bị bắt thu giữ 1.000.000 đồng. **LTM** sử dụng 700.000 đồng để đánh bạc, chưa nộp phế, chơi thua 200.000 đồng, còn 500.000 đồng bị thu giữ. **NHD** sử dụng 1.200.000 đồng để đánh bạc, nộp phế 100.000 đồng cho NHD, chơi thua hết tiền. **PTP** sử dụng 100.000 đồng để đánh bạc, chưa nộp phế, chơi thua hết tiền. **PDC** sử dụng 2.000.000 đồng để đánh bạc, nộp phế 200.000 đồng cho NDD, chơi thua 1.600.000 đồng, còn 200.000 đồng bị thu giữ. **HHX**sử dụng 2.000.000 đồng để đánh bạc, nộp phế 200.000 đồng cho NHD, chơi thua 800.000 đồng, còn 1.000.000 đồng bị thu giữ. **NHH** sử dụng 1.000.000 đồng để đánh bạc, nộp phế 100.000 đồng cho NHD, chơi thua 400.000 đồng, còn 500.000 đồng bị thu giữ. **NTH** sử dụng 500.000 đồng để đánh bạc, chưa nộp phế, khi bị bắt giữ bị thu số tiền 100.000 đồng. **HTV** sử dụng 1.000.000 đồng để đánh bạc, nộp phế 200.000 đồng cho NDD, chơi thắng 200.000 đồng, khi bị bắt giữ bị thu số tiền 1.000.000 đồng. **NVT** mang theo 700.000 đồng để đánh bạc, nộp phế 100.000 đồng, chơi thua 300.000 đồng, khi bị bắt thu giữ 300.000 đồng. **NHQ** mang theo 700.000 đồng để đánh bạc, nộp phế 200.000 đồng, chơi thua 300.000 đồng, khi bị bắt thu giữ 200.000 đồng.

Khoảng 00h15’ ngày 17-3-2019, khi HTV đang xóc cái và NHD đang làm hồ lỳ cho NQQ, LVT, PTH, TTA, NVT, TTQ, NHQ, NDC, LMT, HHX, NHH, NTH, TTT, NLV, NHD, PTP, HTV, VTP, PDC, PTC, NTD đang chơi xóc đĩa sát phạt nhau bằng tiền tại nhà NDD thì bị Công an thành phố H phát hiện bắt giữ quả tang cùng tang vật.

Tại cơ quan điều tra, các bị cáo NDD, HTV, NHD, NHQ và DCQ khai nhận: Tối ngày 15-3-2019, NDD rủ HTV, NHD, NHH và DCQ tổ chức sới bạc dưới hình

thức đánh xóc đĩa được thua bằng tiền tại nhà riêng của NDD, mỗi ngày tổ chức 02 ca: ca 1 từ 15 giờ 30 phút giờ đến 17 giờ 30 phút và ca 2 từ 22 giờ đến 01 giờ sáng ngày hôm sau. NDD phân công NHD, HTV, NHH và DCQ như sau: NDD có nhiệm vụ mời gọi các con bạc đến đánh bạc, chuẩn bị bát đĩa, quân vị, thảm và thu phế; HTV có nhiệm vụ xóc cái cho các con bạc; NHD có nhiệm vụ làm hồ lỳ giam tiền (thu tiền của các con bạc bị thua, trả tiền cho các con bạc đánh thắng) và thu phế cho NDD. NDD và NHD thống nhất thu phế từ 100.000 đồng đến 200.000 đồng/1 người/1ca. NDD được hưởng toàn bộ tiền phế, HTV và NHD chia nhau hưởng số tiền do các con bạc đánh thắng nhiều cắt lại sau mỗi ván bạc. NHH làm nhiệm vụ canh gác, bảo vệ sới bạc và được NDD trả công 200.000 đồng/ca. Công làm nhiệm vụ dọn dẹp, phục vụ tại sới bạc và trả công 200.000 đồng/ca. Từ ngày 15-3-2019 đến ngày 16-3-2019, NDD đã tổ chức đánh bạc được 03 ca, cụ thể:

Ca thứ nhất: Tối ngày 15-3-2019, có khoảng 20 người không biết tên, tuổi, địa chỉ đến nhà NDD để tham gia đánh bạc. Khi hết ca, NDD thu được tổng số tiền phế là 2.800.000 đồng. NDD đã trả công cho NHH 200.000 đồng, số tiền còn lại NDD đã sử dụng và chi tiêu cá nhân hết. NHD được những người chơi thắng bạc cắt lại số tiền tổng cộng là 3.500.000 đồng. NHD đã cho DCQ 200.000 đồng, còn lại NHD chia đều cho ba người gồm NHD, HTV và nam thanh niên làm hồ lỳ không rõ tên, địa chỉ mỗi người 1.100.000 đồng.

Ca thứ hai: Chiều ngày 16-3-2019, có khoảng 13 người không rõ tên, địa chỉ tham gia đánh bạc. NHD và NHH không tham gia tổ chức. NDD thu được số tiền phế là 1.100.000 đồng, trả cho DCQ 200.000 đồng, còn lại NDD đã chi tiêu cá nhân hết. Do có ít người nên các con bạc tự giam tiền cho nhau. HTV được hai con bạc không biết tên, địa chỉ cho 300.000 đồng đã chi tiêu cá nhân hết.

Ca thứ ba: Các đối tượng chơi xóc đĩa ăn tiền từ 22h tối ngày 16-3-2019 đến 00h15’ ngày 17-3-2019 thì bị lực lượng Công an phát hiện bắt quả tang cùng vật chứng. Ngoài lời khai của NDD, NHD, HTV, NHH và DCQ, không có tài liệu nào khác chứng minh nên không có căn cứ kết luận NDD, NHD, HTV, NHH và DCQ phạm tội tổ chức đánh bạc nhiều lần.

Tại Cơ quan cảnh sát điều tra, các bị cáo NQQ, LVT, PTH, TTA, TTQ, NDC, LMT, HHX, NHH, NTH, TTT, NLV, NHD, PTP, HTV, VTP, PDC, PTC, NTD khai nhận: Đây là lần đầu tiên các bị cáo tham gia chơi xóc đĩa ăn tiền tại nhà NDD thì bị cơ quan Công an phát hiện bắt giữ. Riêng NVT và NHQ khai nhận: Đây là lần thứ 2, NVT và NHQ tham gia đánh bạc tại nhà NDD thì bị bắt quả tang. Lần đầu vào tối ngày 15-3-2019, NVT và NHQ mỗi người mang theo 400.000 đồng chơi xóc đĩa ăn tiền tại nhà NDD cùng với 5 – 6 người khác không biết tên, địa chỉ. Ngoài lời khai của NVT và NHQ không có tài liệu nào khác chứng minh nên không có căn cứ xác định NVT, NHQ phạm tội đánh bạc nhiều lần.

Đối với NDC, HLM, NTL, NDT và NVT quá trình điều tra xác định NDC, HLM, NTL, NDT và NVT không có hành vi tham gia đánh bạc và tổ chức đánh bạc nên Cơ quan CSĐT - Công an huyện G không xử lý.

Tại bản cáo trạng số: 158/CT-VKSGL ngày 26-10-2019 của Viện Kiểm sát nhân dân huyện G đã truy tố các bị cáo NDD, HTV, NHD, NHQ và DCQ về tội: Tổ chức đánh bạc theo quy định tại điểm a, c, d khoản 1 Điều 322 của Bộ luật hình sự 2015. Các bị cáo NQQ, LVT, PTH, TTA, NVT, TTQ, NHQ, NDC, LMT, HHX, NHH, NTH, TTT, NLV, NHD, PTP, HTV, VTP, PDC, PTC, NTD về tội: Đánh bạc theo quy định tại khoản 1 Điều 321 của Bộ luật hình sự 2015.

Tại phiên tòa: Các bị cáo đã thành khẩn khai nhận về hành vi phạm tội của mình như nội dung bản cáo trạng đã truy tố.

Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện G giữ quyền công tố luận tội và tranh luận: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và lời khai nhận của các bị cáo tại phiên tòa hôm nay thấy rằng: Hành vi của các bị cáo NDD, HTV, NHD, NHQ và DCQ đã cấu thành tội: Tổ chức đánh bạc theo quy định tại điểm a, c, d khoản 1 Điều 322 của Bộ luật hình sự 2015. Các bị cáo NQQ, LVT, PTH, TTA, NVT, TTQ, NHQ, NDC, LMT, HHX, NHH, NTH, TTT, NLV, NHD, PTP, HTV, VTP, PDC, PTC, NTD đã cấu thành tội: Đánh bạc theo quy định tại khoản 1 Điều 321 của Bộ luật hình sự 2015.

- Đề nghị giữ nguyên nội dung bản cáo trạng đã truy tố.

- Đề nghị Hội đồng xét xử:

+ Áp dụng khoản 1 Điều 322; Điều 38; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 58 BLHS đối với NDD và DCQ

Xử phạt bị cáo NDD từ 24-30 tháng tù. Thời hạn tù được trừ đi thời hạn bị cáo bị tạm giữ, tạm giam. Thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án.

Xử phạt bị cáo DCQ từ 15-18 tháng tù. Thời hạn tù được trừ đi thời hạn bị cáo bị tạm giữ, tạm giam. Thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án.

+ Áp dụng khoản 1 Điều 322; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 58; Điều 65 BLHS đối với HTV, NHD và NHQ

Xử phạt các bị cáo HTV và NHD, mỗi bị cáo từ 18-24 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 36 đến 48 tháng.

Xử phạt bị cáo NHQ từ 12-15 tháng tù nhưng cho hưởng án treo thời gian thử thách từ 24 đến 30 tháng. Giao các bị cáo cho UBND xã X quản lý trong thời gian chấp hành án.

+ Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1và khoản 2 Điều 51; Điều 58; Điều 65 BLHS

Xử phạt các bị cáo NLV, TTQ, LVT, NTH, mỗi bị cáo từ 12-15 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 24 đến 30 tháng. Giao các bị cáo NLV,

NTD cho UBND xã X quản lý trong thời gian chấp hành án. Giao các bị cáo TTQ, NTH cho UBND xã H quản lý trong thời gian chấp hành án.

+ Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 58; Điều 65 BLHS

Xử phạt các bị cáo HHX, NVT, NHQ, VTP, NQQ, mỗi bị cáo từ 10-12 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách từ 20 đến 24 tháng. Giao các bị cáo NVT, NHQ, NQQ cho UBND xã X quản lý trong thời gian chấp hành án. Giao các bị cáo HHX, VTP cho UBND xã D quản lý trong thời gian chấp hành án.

+ Áp dụng khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 58; Điều 65 BLHS

Xử phạt các bị cáo PDC, NDC, TTT, PTH, PTC, TTA, NHH, HTV, mỗi bị cáo từ 08-10 tháng tù nhưng cho hưởng án treo thời gian thử thách từ 16 đến 20 tháng. Giao các bị cáo PDC, NDC, PTH, PTC cho UBND xã X quản lý trong thời gian chấp hành án. Giao các bị cáo TTT, Anh cho UBND xã H quản lý trong thời gian chấp hành án. Giao các bị cáo NHH, HTV cho UBND xã T quản lý trong thời gian chấp hành án.

+ Áp dụng khoản 1 Điều 321; Điều 36; điểm i, s khoản 1 Điều 51; Điều 58 BLHS

Xử phạt các bị cáo NTD, LMT, PTP, mỗi bị cáo từ 06-08 tháng cải tạo không giam giữ. Giao bị cáo NTD cho UBND xã T quản lý trong thời gian chấp hành án. Giao bị cáo Thanh, bị cáo Phúc cho UBND xã X quản lý trong thời gian chấp hành án. Thời hạn được tính từ ngày giao bị cáo cho chính quyền địa phương theo dõi, quản lý.

- Hình phạt bổ sung: Các bị cáo là đối tượng không nghề nghiệp, thu nhập ổn định, đề nghị không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo.

- Xử lý Vật chứng: Đề nghị áp dụng Điều 47 BLHS và Điều 106 BLTTHS

+ Tịch thu sung công quỹ Nhà nước số tiền 47.600.000 đồng.

+ Trả lại NTL số tiền: 200.000 đồng; trả lại NVT số tiền: 200.000 đồng; trả lại NDT số tiền: 500.000 đồng; trả lại NDC số tiền 100.000 đồng.

+ Tịch thu tiêu hủy 01 bát sứ; 01 đĩa sứ; 04 quân vị hình tròn, kích cỡ 01 x 1,5cm; 01 thảm đỏ, kích cỡ 0,6m x 3m.

+ Truy thu sung công quỹ Nhà nước số tiền 3.900.000 đồng đối với NDD; số tiền 1.100.000 đồng đối với NHD; số tiền 1.400.000 đồng đối với HTV; số tiền 200.000 đồng đối với NHQ; số tiền 200.000 đồng đối với DCQ.

Nói lời sau cùng, các bị cáo thấy hành vi của mình là sai và xin HĐXX xem xét giảm nhẹ cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, HĐXX nhận định như sau:

- Về tố tụng:

[1] Về hành vi tố tụng, quyết định tố tụng của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện G, Điều tra viên, Viện Kiểm sát nhân dân huyện G, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa hôm nay, các bị cáo không có khiếu nại về hành vi tố tụng, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi tố tụng, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng là hợp pháp.

- Về tội danh:

[2] Xét lời khai nhận của các bị cáo tại phiên toà phù hợp với lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra, lời khai của người làm chứng cùng các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án cũng như nội dung bản cáo trạng của VKSND huyện G đã truy tố. HĐXX có đủ cơ sở kết luận: Hồi 00 giờ 15 phút, ngày 17-3-2019, bị cáo NDD đã sử dụng nhà ở của mình ở thôn 7, xã X, huyện G, Thành phố H cùng các bị cáo HTV, NHD, NHQ và DCQ tổ chức cho các bị cáo NQQ, LVT, PTH, TTA, NVT, TTQ, NHQ, NDC, LMT, HHX, NHH, NTH, TTT, NLV, NHD, PTP, HTV, VTP, PDC, PTC, NTD đánh bạc trái phép dưới hình thức chơi xóc đĩa, sát phạt nhau bằng tiền thì bị lực lượng Công an thành phố H phát hiện bắt quả tang cùng vật chứng. Tổng số tiền các bị cáo NQQ, LVT, PTH, TTA, NVT, TTQ, NHQ, NDC, LMT, HHX, NHH, NTH, TTT, NLV, NHD, PTP, HTV, VTP, PDC, PTC, NTD sử dụng để đánh bạc là 47.600.000 đồng.

[3] Hành vi của các bị cáo NDD, HTV, NHD, NHQ và DCQ đã đủ yếu tố cấu thành tội: Tổ chức đánh bạc; tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm a, c, d khoản 1 Điều 322 của Bộ luật Hình sự. Trong đó, bị cáo NDD là người chủ mưu, tổ chức lập sới bạc và thực hành; HTV, NHD, NHQ và DCQ tham gia với vai trò là người thực hành.

Hành vi của các bị cáo NQQ, LVT, PTH, TTA, NVT, TTQ, NHQ, NDC, LMT, HHX, NHH, NTH, TTT, NLV, NHD, PTP, HTV, VTP, PDC, PTC, NTD đã đủ yếu tố cấu thành tội: Đánh bạc; tội phạm và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 321 của Bộ luật Hình sự.

[4] Viện Kiểm sát nhân dân huyện G đề nghị truy tố các bị cáo về tội danh và điều luật áp dụng là có căn cứ và phù hợp với quy định của pháp luật.

[5] Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội. Các bị cáo đã cố ý xâm phạm đến trật tự công cộng, gây mất trật tự trị an trên địa bàn được BLHS bảo vệ. Do vậy, cần phải nghiêm trị đối với các bị cáo.

- Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo:

[6] Về tình tiết tăng nặng: Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[7] Về tình tiết giảm nhẹ: Tại cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa, các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; nhân thân của các bị cáo PTH, TTA, NHQ, NDC, LMT, NHH, TTT, PTP, HTV, PDC, PTC, NTD và NHQ chưa có tiền án-tiền sự, phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng là các tình tiết giảm nhẹ TNHS quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 của BLHS.

[8] Xét tính chất và mức độ hành vi phạm tội của bị cáo NDD là người chủ mưu, tổ chức lập xới bạc và là kẻ thực hành, mặc dù nhân thân chưa có tiền án-tiền sự nhưng Hội đồng xét xử thấy cần phải xử phạt bị cáo một mức án tù trong khung hình phạt nhằm cách ly bị cáo ra ngoài xã hội một thời gian mới có đủ điều kiện cải tạo, giáo dục bị cáo và phòng ngừa tội phạm.

Đối với bị cáo DCQ tham gia vụ án với vai trò là kẻ thực hành nhưng nhân thân của bị cáo có 04 tiền án mặc dù đã được xóa nhưng nhân thân như vậy là rất xấu nên Hội đồng xét xử thấy cũng cần phải xử phạt bị cáo một mức án tù trong khung hình phạt nhằm cách ly bị cáo ra ngoài xã hội một thời gian mới có đủ điều kiện cải tạo, giáo dục bị cáo và phòng ngừa tội phạm. Khi quyết định hình phạt, HĐXX cũng xem xét giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo NDD và bị cáo DCQ vì các bị cáo có tình tiết giảm nhẹ TNHS như đã nhận định ở trên là có căn cứ và phù hợp với pháp luật.

Đối với bị cáo TTQ, nhân thân có 01 tiền án năm 2012 đã được xóa, số tiền đánh bạc 4.000.000đ; bị cáo NLV nhân thân có 02 tiền sự năm 1978, 2002 và 01 tiền án năm 2007 đã được xóa, số tiền đánh bạc là 1.500.000đ; bị cáo HHXnhân thân có 01 tiền sự năm 1980 đã được xóa, số tiền đánh bạc là 2.000.000đ; bị cáo LVT nhân thân có 01 tiền án năm 2010 đã được xóa, số tiền đánh bạc là 1.100.000đ; bị cáo NTH nhân thân có 03 tiền sự vào các năm 1985, 1986, 1987 đã được xóa, số tiền đánh bạc là 500.000đ; bị cáo NHD nhân thân có 01 tiền sự năm 2001 đã được xóa, số tiền đánh bạc là 1.200.000đ; bị cáo NQQ nhân thân có 01 tiền sự năm 2001 đã được xóa, số tiền đánh bạc là 400.000đ; bị cáo VTP nhân thân có 01 tiền sự năm 1989 đã được xóa, số tiền đánh bạc là 500.000đ. Hành vi của các bị cáo trên đáng ra phải xử phạt các bị cáo mức án tù nhằm cách ly các bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian mới thỏa đáng.

Song khi quyết định hình phạt, HĐXX thấy các tiền án-tiền sự của các bị cáo trên đều đã được xóa từ nhiều năm nay, số tiền các bị cáo tham gia đánh bạc không lớn, các bị cáo thành khẩn nhận tội và ăn năn hối cải là tình tiết giảm nhẹ TNHS theo quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 của BLHS. Vì vậy, HĐXX thấy nên mở lượng khoan hồng cho các bị cáo, chỉ cần xử phạt các bị cáo một mức án tù trong khung hình phạt nhưng cho các bị cáo được hưởng án treo theo Điều 65

của BLHS để các bị cáo được cải tạo ngoài xã hội cũng đủ điều kiện cải tạo giáo dục các bị cáo và phòng ngừa tội phạm.

Đối với các bị cáo PDC số tiền đánh bạc là 2.000.000đ, NDC số tiền đánh bạc là 2.000.000đ, TTT số tiền đánh bạc là 1.500.000đ, HTV số tiền đánh bạc là 1.000.000đ, PTC số tiền đánh bạc là 1.000.000đ, TTA số tiền đánh bạc là 1.000.000đ, PTH số tiền đánh bạc là 1.200.000đ, NVT số tiền đánh bạc là 700.000đ, NHQ số tiền đánh bạc là 700.000đ, NHH số tiền đánh bạc là 1.000.000đ, nhân thân các bị cáo trên đều chưa có tiền án-tiền sự, phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, số tiền tham gia đánh bạc không lớn, các bị cáo thành khẩn nhận tội và ăn năn hối cải là các tình tiết giảm nhẹ TNHS theo quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 của BLHS. HĐXX xét thấy nên mở lượng khoan hồng cho các bị cáo, chỉ cần xử phạt các bị cáo một mức án tù trong khung hình phạt nhưng cho các bị cáo được hưởng án treo theo Điều 65 của BLHS để các bị cáo được cải tạo ngoài xã hội cũng đủ điều kiện cải tạo giáo dục các bị cáo và phòng ngừa tội phạm.

Đối với các bị cáo NTD số tiền đánh bạc là 700.000đ, LTM số tiền đánh bạc là 700.000đ; PTP số tiền đánh bạc là 100.000đ, nhân thân các bị cáo đều chưa có tiền án-tiền sự, phạm tội lần đầu phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, số tiền tham gia đánh bạc nhỏ, các bị cáo thành khẩn nhận tội và ăn năn hối cải là các tình tiết giảm nhẹ TNHS theo quy định tại điểm i, s khoản 1 Điều 51 của BLHS. HĐXX xét thấy nên mở lượng khoan hồng cho các bị cáo, chỉ cần xử phạt các bị cáo một mức án cải tạo không giam giữ để các bị cáo được cải tạo ngoài xã hội theo Điều 36 của BLHS cũng đủ điều kiện cải tạo giáo dục các bị cáo và phòng ngừa tội phạm.

[9] Đối với NDC, HLM, NTL, NDT và NVT quá trình điều tra xác định NDC, HLM, NTL, NDT và NVT không có hành vi tham gia đánh bạc và tổ chức đánh bạc nên Cơ quan CSĐT - Công an huyện G không xử lý là có căn cứ.

- Về hình phạt bổ sung:

[10] Xét thấy các bị cáo không có nghề ngiệp, thu nhập ổn định, không có tài sản riêng nên HĐXX không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo là có căn cứ và phù hợp với pháp luật.

- Về xử lý vật chứng:

[10] Thu giữ 47.600.000 đồng là tiền các bị cáo dùng để tham gia đánh bạc nên cần cho tịch thu sung công quỹ Nhà nước là có căn cứ.

[11] Thu giữ của chị NTL số tiền: 200.000 đồng; của anh NVT số tiền: 200.000 đồng; của anh NDT số tiền: 500.000 đồng; của anh NDC số tiền 100.000 đồng không liên quan đến tội phạm nên trả lại cho chị NTL, anh NVT, anh NDT và anh NDC là có căn cứ.

[12] Thu giữ 01 bát sứ; 01 đĩa sứ; 04 quân vị hình tròn, kích cỡ 01 x 1,5cm; 01 thảm đỏ, kích cỡ 0,6m x 3m là công cụ và phương tiện các bị cáo dùng để thực hiện tội phạm nên cần cho tịch thu tiêu hủy là có căn cứ.

[13] Quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa thể hiện: Bị cáo NDD thu lời bất chính số tiền 3.900.000 đồng; NHD thu lời bất chính số tiền 1.100.000 đồng; HTV thu lời bất chính số tiền 1.400.000 đồng; NHQ thu lời bất chính số tiền 200.000 đồng; DCQ thu lời bất chính số tiền 200.000 đồng. Nay, buộc các bị cáo phải truy nộp số tiền thu lời bất chính trên để sung công quỹ Nhà nước là có căn cứ.

[14] Đề nghị của đại diện Viện Kiểm sát tại phiên tòa về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ TNHS, về mức hình phạt đối với các bị cáo, về hình phạt bổ sung, về xử lý vật chứng là có căn cứ và phù hợp với nhận định của HĐXX.

- Về án phí:

[15] Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

- Về quyền kháng cáo:

[16] Các bị cáo và những người tham gia tố tụng khác được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

* Căn cứ vào điểm a, c, d khoản 1 Điều 322; điểm s khoản 1 Điều 51 và Điều 38 của Bộ luật Hình sự:

1. Xử phạt bị cáo **NDD** 26 *(Hai mươi sáu)* tháng tù về tội: **"Tổ chức đánh bạc"**. Thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án, được trừ thời hạn tạm giữ, tạm giam từ ngày 17-3-2019 đến ngày 14-6-2019.

2. Xử phạt bị cáo **DCQ** 15 *(Mười lăm)* tháng tù về tội: **"Tổ chức đánh bạc"**. Thời hạn tù tính từ ngày bắt thi hành án, được trừ thời hạn tạm giữ từ ngày 17-3-2019 đến ngày 26-3-2019.

* Căn cứ vào điểm a, c, d khoản 1 Điều 322; điểm s khoản 1 Điều 51 và Điều 65 của Bộ luật Hình sự:

3. Xử phạt bị cáo **HTV** 18 *(Mười tám)* tháng tù cho hưởng án treo về tội: **"Tổ chức đánh bạc"**. Thời hạn thử thách là 36 tháng tính từ khi tuyên án sơ thẩm.

4. Xử phạt bị cáo **NHD** 15 *(Mười lăm)* tháng tù cho hưởng án treo về tội: **"Tổ chức đánh bạc"**. Thời hạn thử thách là 30 tháng tính từ khi tuyên án sơ thẩm.

5. Xử phạt bị cáo **NHQ** 12 *(Mười hai)* tháng tù cho hưởng án treo về tội: **"Tổ chức đánh bạc"**. Thời hạn thử thách là 24 tháng tính từ khi tuyên án sơ thẩm.

Giao các bị cáo HTV, NHD, NHQ cho UBND xã X, huyện G, Thành phố H quản lý, giám sát và giáo dục trong thời hạn thử thách.

* Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm s khoản 1 Điều 51 và Điều 65 của Bộ luật Hình sự:

6. Xử phạt bị cáo **NLV** 15 *(Mười lăm)* tháng tù cho hưởng án treo về tội: **"Đánh bạc".** Thời hạn thử thách là 30 tháng tính từ khi tuyên án sơ thẩm.

7. Xử phạt bị cáo **TTQ** 15 *(Mười lăm)* tháng tù cho hưởng án treo về tội: **"Đánh bạc".** Thời hạn thử thách là 30 tháng tính từ khi tuyên án sơ thẩm.

8. Xử phạt bị cáo **LVT** 15 *(Mười lăm)* tháng tù cho hưởng án treo về tội: **"Đánh bạc".** Thời hạn thử thách là 30 tháng tính từ khi tuyên án sơ thẩm.

9. Xử phạt bị cáo **NTH** 12 *(Mười hai)* tháng tù cho hưởng án treo về tội: **"Đánh bạc".** Thời hạn thử thách là 24 tháng tính từ khi tuyên án sơ thẩm.

10. Xử phạt bị cáo **HHX**10 *(Mười)* tháng tù cho hưởng án treo về tội: **"Đánh bạc".** Thời hạn thử thách là 20 tháng tính từ khi tuyên án sơ thẩm.

11. Xử phạt bị cáo **NHD** 10 *(Mười)* tháng tù cho hưởng án treo về tội: **"Đánh bạc".** Thời hạn thử thách là 20 tháng tính từ khi tuyên án sơ thẩm.

12. Xử phạt bị cáo **NQQ** 10 *(Mười)* tháng tù cho hưởng án treo về tội: **"Đánh bạc".** Thời hạn thử thách là 20 tháng tính từ khi tuyên án sơ thẩm.

13. Xử phạt bị cáo **VTP** 10 *(Mười)* tháng tù cho hưởng án treo về tội: **"Đánh bạc".** Thời hạn thử thách là 20 tháng tính từ khi tuyên án sơ thẩm.

Giao các bị cáo NLV, LVT, NHD, NQQ cho UBND xã X, huyện G, Thành phố H quản lý, giám sát và giáo dục trong thời hạn thử thách. Giao các bị cáo HHX, VTP cho UBND xã D, huyện G, Thành phố H quản lý, giám sát và giáo dục trong thời hạn thử thách. Giao các bị cáo TTQ, NTH cho UBND xã Dương Hà, huyện G, Thành phố H quản lý, giám sát và giáo dục trong thời hạn thử thách.

* Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51 và Điều 65 của Bộ luật Hình sự:

14. Xử phạt bị cáo **PDC** 10 *(Mười)* tháng tù cho hưởng án treo về tội: **"Đánh bạc".** Thời hạn thử thách là 20 tháng tính từ khi tuyên án sơ thẩm.

15. Xử phạt bị cáo **NDC** 10 *(Mười)* tháng tù cho hưởng án treo về tội: **"Đánh bạc".** Thời hạn thử thách là 20 tháng tính từ khi tuyên án sơ thẩm.

16. Xử phạt bị cáo **TTT** 10 *(Mười)* tháng tù cho hưởng án treo về tội: **"Đánh bạc".** Thời hạn thử thách là 20 tháng tính từ khi tuyên án sơ thẩm.

17. Xử phạt bị cáo **HTV** 10 *(Mười)* tháng tù cho hưởng án treo về tội: **"Đánh bạc".** Thời hạn thử thách là 20 tháng tính từ khi tuyên án sơ thẩm.

18. Xử phạt bị cáo **PTC** 10 *(Mười)* tháng tù cho hưởng án treo về tội: **"Đánh bạc".** Thời hạn thử thách là 20 tháng tính từ khi tuyên án sơ thẩm.

19. Xử phạt bị cáo **PTH** 10 *(Mười)* tháng tù cho hưởng án treo về tội: **"Đánh bạc".** Thời hạn thử thách là 20 tháng tính từ khi tuyên án sơ thẩm.

20. Xử phạt bị cáo **NVT** 10 *(Mười)* tháng tù cho hưởng án treo về tội: **"Đánh bạc".** Thời hạn thử thách là 20 tháng tính từ khi tuyên án sơ thẩm.

21. Xử phạt bị cáo **NHQ** 10 *(Mười)* tháng tù cho hưởng án treo về tội: **"Đánh bạc".** Thời hạn thử thách là 20 tháng tính từ khi tuyên án sơ thẩm.

22. Xử phạt bị cáo **NHH** 08 *(Tám)* tháng tù cho hưởng án treo về tội: **"Đánh bạc".** Thời hạn thử thách là 16 tháng tính từ khi tuyên án sơ thẩm.

23. Xử phạt bị cáo **TTA** 08 *(Tám)* tháng tù cho hưởng án treo về tội: **"Đánh bạc".** Thời hạn thử thách là 16 tháng tính từ khi tuyên án sơ thẩm.

Giao các bị cáo PDC, NDC, PTC, PTH, NVT, NHQ cho UBND xã X, huyện G, Thành phố H quản lý, giám sát và giáo dục trong thời hạn thử thách. Giao các bị cáo TTT, TTA cho UBND xã H, huyện G, Thành phố H quản lý, giám sát và giáo dục trong thời hạn thử thách. Giao các bị cáo HTV, NHH cho UBND xã T, huyện G, Thành phố H quản lý, giám sát và giáo dục trong thời hạn thử thách.

* Căn cứ khoản 1 Điều 321; điểm i, s khoản 1 Điều 51 và Điều 36 của Bộ luật Hình sự:

24. Xử phạt bị cáo **NTD** 10 *(Mười)* tháng cải tạo không giam giữ về tội: **"Đánh bạc";**thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ ngày cơ quan, tổ chức được giao giám sát, giáo dục người bị kết án nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án. Giao bị cáo NTD cho UBND xã T, huyện G, Thành phố H giám sát, giáo dục trong thời hạn cải tạo không giam giữ.

25. Xử phạt bị cáo **LTM**10 *(Mười)* tháng cải tạo không giam giữ về tội: **"Đánh bạc";**thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ ngày cơ quan, tổ chức được giao giám sát, giáo dục người bị kết án nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án.

26. Xử phạt bị cáo **PTP** 08 *(Tám)* tháng cải tạo không giam giữ về tội: **"Đánh bạc";**thời hạn cải tạo không giam giữ tính từ ngày cơ quan, tổ chức được giao giám sát, giáo dục người bị kết án nhận được quyết định thi hành án và bản sao bản án. Giao các bị cáo LTM và PTP cho UBND xã X, huyện G, Thành phố H giám sát, giáo dục trong thời hạn cải tạo không giam giữ.

Trong trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 của Luật Thi hành án hình sự. Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

* Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng đối với các bị cáo.

* Về xử lý vật chứng:

+ Tịch thu sung công quỹ Nhà nước số tiền 47.600.000 đồng.

+ Trả lại cho chị NTL số tiền: 200.000 đồng; trả lại cho anh NVT số tiền: 200.000 đồng; trả lại cho anh NDT số tiền: 500.000 đồng; trả lại cho anh NDC số tiền 100.000 đồng.

+ Tịch thu tiêu hủy 01 bát sứ; 01 đĩa sứ; 04 quân vị hình tròn, kích cỡ 01 x 1,5cm; 01 thảm đỏ, kích cỡ 0,6m x 3m.

(Số tiền và các vật chứng trên hiện có tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện G theo BL số 0001683 ngày 31-10-2019 và Biên bản giao nhận vật chứng, tài sản ngày 31-10-2019).

+ Buộc truy nộp để sung công quỹ Nhà nước số tiền 3.900.000 đồng đối với NDD; số tiền 1.100.000 đồng đối với NHD; số tiền 1.400.000 đồng đối với HTV; số tiền 200.000 đồng đối với NHQ; số tiền 200.000 đồng đối với DCQ.

***** Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án: Các bị cáo NDD, HTV, NHD, NHQ, DCQ, NQQ, LVT, PTH, TTA, NVT, TTQ, NHQ, NDC, LMT, HHX, NHH, NTH, TTT, NLV, NHD, PTP, HTV, VTP, PDC, PTC và NTD, mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí HSST.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong khoản tiền hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự 2015. Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

* Quyền kháng cáo: Các bị cáo có quyền làm đơn kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Người có quyền và nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo bản án về những vấn đề có liên quan trực tiếp đến quyền lợi của mình trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND thành phố H;
- Sở Tư pháp thành phố H;
- VKS nhân dân huyện G;
- Công an huyện G;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán- chủ tọa phiên tòa
Đã ký và đóng dấu

- Chi cục THADS huyện G;
- Bị cáo và những người TGTT khác;
- Lưu.